

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2738 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư
“Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 450/QĐ-TTg ngày 13 tháng 4 năm 2022 phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; số 224/QĐ-TTg ngày 07 tháng 3 năm 2024 về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể quan trắc môi trường quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường: số 1498/QĐ-BTNMT ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc phê duyệt chủ trương đầu tư; số 2641/QĐ-BTNMT ngày 12 tháng 9 năm 2023 về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”;

Căn cứ Quyết định số 1902/QĐ-BNNMT ngày 04 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án “Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”;

Căn cứ Quyết định số 1876/QĐ-BTNMT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 581/QĐ-BNNMT ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc giao, điều chỉnh tên đơn vị thực hiện dự án đầu tư; nhiệm vụ chi thường xuyên theo các đơn vị quy định tại Nghị định số 35/2025/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Cục Môi trường tại Tờ trình số 18/TTr-MT ngày 24 tháng 6 năm 2025 về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư “Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư Dự án “Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”, với các nội dung chính như sau:

1. Tên dự án: Xây dựng Trạm quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ.
2. Địa điểm xây dựng: Phường Bình Trưng Tây, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Phường Bình Trưng, Thành phố Hồ Chí Minh).
3. Người quyết định đầu tư: Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
4. Chủ đầu tư: Cục Môi trường.
5. Nhà thầu lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Liên danh Công ty Cổ phần Tư vấn Giải pháp Công nghệ và Môi trường và Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Thương mại và Xây dựng Hà Nội.
6. Nhà thầu khảo sát xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Giao thông Vận tải - Sài Gòn.
7. Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình: Dự án nhóm B, công trình dân dụng, cấp II, thời hạn sử dụng 50 ÷ 100 năm.

8. Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư xây dựng Trạm quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ với cơ sở hạ tầng và trang thiết bị đồng bộ, hiện đại, đáp ứng vai trò của Trạm vùng trong nghiên cứu, điều tra, đánh giá, kết nối và chia sẻ dữ liệu về hiện trạng và diễn biến chất lượng môi trường.

9. Quy mô đầu tư:

- Xây dựng Trạm quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ đa chức năng, đa phương tiện, hiện đại và kết nối, sử dụng trong lĩnh vực quan trắc, thống kê, tích hợp dữ liệu và cảnh báo môi trường khu vực miền Nam.

- Hệ thống phòng thí nghiệm hiện đại, đáp ứng nhu cầu phân tích đầy đủ các thông số môi trường cơ bản và chuyên sâu, đồng thời hướng đến phát triển phương pháp phân tích môi trường tại khu vực miền Nam.

- Hệ thống phòng Kiểm định (verification) và hiệu chuẩn (calibration) thiết bị quan trắc, thực hiện kiểm soát đo lường phục vụ việc đảm bảo chất lượng và kiểm soát chất lượng đối với các thiết bị quan trắc môi trường (trạm quan trắc tự động, thiết bị hiện trường, thiết bị phòng thí nghiệm).

- Cơ sở hạ tầng gồm khu làm việc và khu kỹ thuật chuyên dụng.

9.1. Phần xây dựng:

- Tầng cao công trình: 01 tầng hầm + 01 tầng trệt + 03 tầng lầu + 01 tầng mái che thang;

- Chiều cao công trình từ nền sân đến đỉnh mái: 20,05 m.

- Tổng diện tích sàn xây dựng (bao gồm tầng hầm) 3.849 m²; tổng diện tích sàn xây dựng (không bao gồm tầng hầm): 3.055 m².

- Phương án thiết kế: móng cọc, vách chịu lực, cột, dầm, sàn bê tông cốt thép; tường xây gạch, sàn lát gạch; mái bằng bê tông cốt thép.

- Nhà bảo vệ: có tầng cao công trình 01 tầng; chiều cao công trình 3,4 m diện tích sàn xây dựng 11 m²; hệ khung chịu lực bê tông cốt thép; mái bằng bê tông cốt thép; tường xây gạch, sàn lát gạch.

- Cổng, tường rào, cây xanh, bảng tên.

9.2. Phần thiết bị công trình:

- Hệ thống cấp điện: nguồn điện chính được lấy từ nguồn lưới điện hiện hữu vào máy biến áp công suất 1000KVA và máy phát điện dự phòng công suất 500KVA, qua tủ điện đến các tủ phân phối cung cấp cho các thiết bị.

- Hệ thống cấp nước – thoát nước.

- Hệ thống phòng cháy, chữa cháy và chống sét.

- Hệ thống kỹ thuật khác: hệ thống thang máy, hệ thống điều hòa thông gió, điện, công nghệ thông tin, trạm điện, xử lý khí thải và xử lý nước thải, máy phát dự phòng, hệ thống năng lượng mặt trời.

- Nội thất, trang thiết bị văn phòng: bàn làm việc, tủ đựng tài liệu, hồ sơ, máy tính để bàn, máy tính xách tay, máy in, máy photo copy, máy scan, máy fax và các thiết bị văn phòng khác.

9.3. Trang thiết bị kỹ thuật nghiệp vụ:

- Thiết bị quan trắc hiện trường: Thiết bị lấy mẫu, các thiết bị phục vụ quan trắc tại hiện trường và các thiết bị phụ trợ để lấy mẫu các chỉ tiêu chuyên sâu như bụi mịn, các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs), kim loại (Hg, Cr, Vi, Pb, Cd, ...) và Dioxin/Furan trong khí thải và các thiết bị siêu âm đo vẽ địa hình, lưu lượng phục vụ công tác đánh giá tải lượng xả thải.

- Thiết bị phân tích tại phòng thí nghiệm: đầu tư hệ thống phòng thí nghiệm phân tích các thông số cơ bản (COD, BOD, tổng N, tổng P, Coliform, Ecoli....);

thiết bị xử lý và phân tích mẫu các chất vô cơ, hữu cơ, độc hại trong các thành phần môi trường; hệ cân phân tích có độ chính xác cao (cân tối thiểu 06 số), đặc biệt là phân tích các chất ô nhiễm có tính chất toàn cầu như: thủy ngân, các kim loại nặng, các chỉ tiêu hóa lý (phenol, cyanua, chất hoạt động bề mặt...), các chỉ tiêu TOC/TN trong nhiều nền mẫu, các hợp chất hữu cơ bay hơi (VOCs), PCBs, Dioxin/furan...

- Thiết bị phục vụ kiểm định, hiệu chuẩn: hiện nay các trạm quan trắc tự động, liên tục chất lượng nước, không khí trong vùng đã được đầu tư, lắp đặt với nhiều thông số quan trắc theo quy định như thông số khí tượng, SO₂, NO_x, CO, O₃, bụi TSP, bụi PM₁₀, bụi PM_{2,5}, ... trong không khí và nhiệt độ, pH, DO, TSS, COD, EC, độ đục, TDS, ... trong nước. Vì vậy, cần đầu tư các thiết bị và hệ thống chuẩn nhằm thực hiện kiểm định, hiệu chuẩn đối với các thiết bị của trạm quan trắc tự động, liên tục.

- Hệ thống tiếp nhận dữ liệu phục vụ dự báo và cảnh báo chất lượng môi trường tập trung đầu tư hạ tầng công nghệ theo giải pháp siêu hội tụ nhằm đơn giản hóa, tối ưu hóa và linh hoạt hóa hạ tầng CNTT, đảm bảo tính linh hoạt dễ mở rộng và đáp ứng dự báo cảnh báo ô nhiễm môi trường Vùng trong tương lai.

10. Số bước thiết kế: 02 bước; áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam.

11. Tổng mức đầu tư: 170.298.155.000 đồng. (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi tỷ, hai trăm chín mươi tám triệu, một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	40.696.559.254 đồng
- Chi phí thiết bị:	114.824.636.241 đồng
- Chi phí quản lý dự án:	2.787.388.467 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	5.022.222.395 đồng
- Chi phí khác:	924.532.326 đồng
- Chi phí dự phòng:	6.042.816.317 đồng

(*Chi tiết theo Phụ lục đính kèm theo Quyết định này*)

12. Thời gian thực hiện: 2025 – 2027.

13. Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công.

Dự kiến bố trí vốn thực hiện trong hai kỳ kế hoạch trung hạn, giai đoạn 2021-2025 và giai đoạn 2026-2030.

14. Hình thức quản lý dự án: áp dụng hình thức Ban Quản lý dự án xây dựng chuyên ngành theo quy định hiện hành.

15. Đơn vị tiếp quản sử dụng sau đầu tư: Trung tâm Quan trắc môi trường miền Nam, trực thuộc Cục Môi trường.

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Cục Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị có liên quan, tổ chức triển khai các bước tiếp theo đảm bảo đúng trình tự, thủ tục, tiêu chuẩn, định mức thiết bị theo quy định hiện hành; chịu trách nhiệm toàn diện trước Bộ trưởng và trước pháp luật về tiến độ, chất lượng, hiệu quả đầu tư, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Môi trường và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Nguyễn Hoàng Hiệp;
- Lưu: VT, KHTC. PHg



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Lê Công Thành

Phụ lục
TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
Dự án “Xây dựng Trạm Quan trắc môi trường vùng Đông Nam Bộ”

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BNNMT ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Đơn vị: đồng

STT	HẠNG MỤC	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
I	CHI PHÍ XÂY DỰNG	40.696.559.254	
II	CHI PHÍ THIẾT BỊ	114.824.636.241	
III	CHI PHÍ QUẢN LÝ DỰ ÁN	2.787.388.467	
IV	CHI PHÍ TƯ VẤN ĐẦU TƯ XD	5.022.222.395	
1	Chi phí khảo sát xây dựng	497.753.000	
2	Chi phí giám sát khảo sát xây dựng	21.012.000	
3	Chi phí lập báo cáo nghiên cứu khả thi	495.000.000	
4	Chi phí thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi	122.000.000	
5	Chi phí thiết kế BVTC	1.228.222.158	
6	Chi phí thẩm tra thiết kế BVTC	78.544.359	
7	Chi phí thẩm tra dự toán	91.811.438	
8	Chi phí giám sát thi công xây dựng	1.060.959.300	
10	Chi phí lập hồ sơ mời thầu và đánh giá gói thầu tư vấn		
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn thiết kế BVTC	7.651.824	
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn giám sát thi	6.609.776	
-	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu gói thầu tư vấn kiểm toán	3.604.794	
11	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng	104.590.157	
12	Chi phí lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu lắp đặt thiết bị	127.393.565	
13	Chi phí giám sát lắp đặt thiết bị	439.676.906	
14	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu tư vấn lập TKBVTC	6.000.000	Lấy tối thiểu theo ND 24/2024/NĐ-CP

STT	HẠNG MỤC	GIÁ TRỊ	GHI CHÚ
15	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu gói thầu lắp đặt thiết bị	60.000.000	Lấy tối đa theo ND 24/2024/NĐ-CP
16	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu lắp đặt thiết bị	60.000.000	Lấy tối đa theo ND 24/2024/NĐ-CP
17	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu gói thầu thi công xây dựng	40.696.559	
18	Chi phí thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu thi công xây dựng	40.696.559	
19	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu TVGS thi công xây dựng	5.000.000	Lấy tối thiểu theo ND 24/2024/NĐ-CP
20	Chi phí thẩm định hồ sơ mời thầu và kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu kiểm toán	5.000.000	Lấy tối thiểu theo ND 24/2024/NĐ-CP
21	Kế hoạch bảo vệ môi trường	120.000.000	
22	Giấy phép môi trường	150.000.000	Tạm tính
23	Chi phí thẩm định giá thiết bị	250.000.000	Tạm tính
V	CHI PHÍ KHÁC	924.532.326	
1	Phí thẩm định BCNCKT	9.366.399	
2	Phí thẩm định thiết kế bản vẽ thi công	7.310.308	
3	Phí thẩm định dự toán XDCT	9.137.885	
4	Chi phí rà phá bom mìn	4.212.000	
5	Chi phí bảo hiểm công trình trong thời gian xây dựng	73.253.807	
6	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	176.088.292	
7	Chi phí kiểm toán	578.618.635	
8	Chi phí thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy	66.545.000	
VI	CHI PHÍ DỰ PHÒNG	6.042.816.317	
	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	170.298.155.000	